

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Chương	Phó Chủ tịch	Bắt nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Mai Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Hữu Thiết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Đình Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Hoàng Sơn	Thành viên	Bắt nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Quốc Phi	Thành viên	Bắt nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên	Bắt nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bắt nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Hà Thanh Tùng	Thành viên	Bắt nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Chương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Hữu Thiết	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

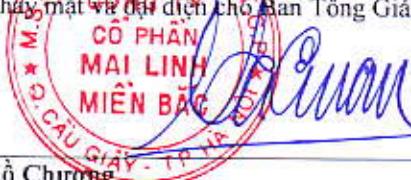
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Chương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2015

Số: /VNIA-HN-BC

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cố đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 43. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoài trừ các hạn chế trình bày sau đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là công ty liên kết của công ty, dựa trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với số tiền là 40.488.371.419 VND bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá khoản đầu tư mà Công ty Tập đoàn Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ với số tiền là 21.076.492.538 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị dự phòng cần trích lập cho khoản đầu tư nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 21 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGÀN HẠN				
I. Tiền	100		476.525.934.701	457.364.444.777
1. Tiền	110		13.040.963.856	31.233.786.905
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	42.000.000	42.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		346.000.000	346.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(304.000.000)	(304.000.000)
III. Phải thu ngắn hạn	130		459.339.934.821	421.879.562.429
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	58.464.455.800	50.958.286.450
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.841.707.825	3.407.340.330
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	22.650.000.000	11.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	403.920.356.939	391.400.521.392
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(35.536.585.743)	(35.536.585.743)
IV. Hàng tồn kho	140	11	2.106.177.065	2.094.728.705
1. Hàng tồn kho	141		2.106.177.065	2.094.728.705
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.996.858.959	2.114.366.738
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.996.858.959	2.114.366.738
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		759.066.574.437	817.343.748.257
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.429.136.626	49.732.485.558
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	48.215.000.000	48.215.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.214.136.626	1.517.485.558
II. Tài sản cố định	220		246.228.879.652	300.147.556.629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	235.199.192.407	248.032.981.961
- Nguyên giá	222		468.761.004.323	444.584.359.306
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.561.811.916)	(196.551.377.345)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	11.029.687.245	52.114.574.668
- Nguyên giá	225		15.497.045.445	84.524.098.608
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.467.358.200)	(32.409.523.940)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		78.897.000	78.897.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.897.000)	(78.897.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	180.464.847.453	182.447.977.647
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.848.171.747)	(15.865.041.553)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		251.964.337.029	251.964.337.029
1. Đầu tư vào công ty con	251	6, 16	194.906.708.448	194.906.708.448
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6, 17	79.000.000.000	79.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	18.546.000.000	18.546.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(40.488.371.419)	(40.488.371.419)
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.979.373.677	33.051.391.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	25.342.545.319	27.782.268.259
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		4.636.828.358	5.269.123.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.235.592.509.138	1.274.708.193.034

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

I
Cho kỳ hoạt động từ ngày
đến ngày

báo cáo tài chính riêng
1 tháng 01 năm 2015
30 tháng 6 năm 2015

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	300		719.100.036.634	738.135.549.516
1. Phải trả người bán ngắn hạn	310		356.909.695.528	309.361.317.667
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	311		7.340.525.595	11.491.467.003
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	312		690.754.799	1.099.958.532
4. Phải trả người lao động	313	18	3.179.078.065	5.997.587.653
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	314		3.912.543.804	4.879.360.386
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	315	19	6.384.406.669	7.939.509.417
7. Phải trả ngắn hạn khác	318	20	79.347.319.959	79.050.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	319	21	135.594.950.552	134.793.304.535
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320	22	116.116.920.188	63.281.837.244
	322		4.343.195.897	828.292.897
II. Nợ dài hạn	330		362.190.341.106	428.774.231.849
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	264.484.364.171	267.868.924.843
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	97.705.976.935	160.905.307.006
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		516.492.472.504	536.572.643.518
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	516.492.472.504	536.572.643.518
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.253.320.000	486.253.320.000
- <i>Cổ phiếu thông có quyền biểu quyết</i>	411a		486.253.320.000	486.253.320.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.214.045.652	23.214.045.652
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.625.106.852	39.705.277.866
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước/năm trước</i>	421a		7.377.414.089	3.330.078.187
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay</i>	421b		7.247.692.763	36.375.199.679
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.235.592.509.138	1.274.708.193.034

Lưu Thị Thu Hương
Người lập biểu

Trịnh Thị Thu
Kế toán trưởng



Hồ Chương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

MẪU SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
			Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	253.237.839.096	234.583.027.369
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.445.036.748	1.620.447.952
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		251.792.802.348	232.962.579.417
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	219.512.327.920	200.022.203.607
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		32.280.474.428	32.940.375.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	10.751.929.666	17.971.199.140
7. Chi phí tài chính	22	29	12.497.120.201	20.869.604.236
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.497.120.201	20.869.604.236
8. Chi phí bán hàng	25		11.613.470.898	9.637.088.319
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		16.143.818.535	20.503.796.359
10. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		2.777.994.460	(98.913.964)
11. Thu nhập khác	31	30	7.258.209.378	10.762.283.514
12. Chi phí khác	32		2.446.836.194	2.311.799.802
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.811.373.184	8.450.483.712
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.589.367.644	8.351.569.748
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	341.674.881	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.247.692.763	8.351.569.748

Lưu Thị Thu Hương
 Người lập biểu

Trịnh Thị Thu
 Kế toán trưởng

Hồ Chương
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.589.367.644	8.351.569.748
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	38.760.292.866	37.262.892.283
Các khoản dự phòng	03	-	4.324.627.663
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(14.815.821.784)	(6.540.835.105)
Chi phí lãi vay	06	12.497.120.201	20.869.604.236
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.030.958.927	64.267.858.825
(Tăng) các khoản phải thu	09	(70.747.122.886)	(86.669.316.636)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(11.448.360)	(15.638.477.977)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25.692.615.531	107.295.730.298
Giảm chi phí trả trước	12	2.557.230.719	22.417.402.795
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.983.327.363)	(20.405.349.735)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.441.713.258)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.067.391.247	308.595.662
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(824.651.068)	(258.218.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.660.066.511)	71.318.225.142
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.333.821.825)	(18.868.733.191)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	30.539.228.248	12.538.908.016
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(4.812.000.000)
4. Thu lãi tiền cho vay, cố tức và lợi nhuận được chia	27	4.251.929.666	3.971.199.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.457.336.089	(7.170.626.035)
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	60.064.969.228	79.892.825.617
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(52.148.504.416)	(127.788.873.607)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(33.280.711.939)	(8.551.604.887)
4. Cố tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.625.845.500)	(21.770.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.990.092.627)	(56.469.423.627)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(18.192.823.049)	7.678.175.480
Tiền đầu kỳ	60	31.233.786.905	9.292.113.169
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	13.040.963.856	16.970.288.649

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cô tức, lợi nhuận đã nhận trong năm không bao gồm 1.700.000.000 VND, là số cô tức đã được bù trừ công nợ trong kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Lưu Thị Thu Hương
Người lập biểu


Trịnh Thị Thu
Kế toán trưởng




Hồ Chương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014 là 486.253.320,000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.900 (31 tháng 12 năm 2014: 1.776).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải. Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Giáo dục khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn, chuyên doanh khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ (Thành phố Hà Nội) tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (Thành phố Hà Nội) tại số 192 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Nhuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Hoạt động chính
		sở hữu	biểu quyết	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	93%	93%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	96%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ	Hoạt động chính
	sở hữu	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29% 29.48% Dịch vụ taxi

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09a-DN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Dánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Dầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Dầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Dầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lõi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/6/2015

(Số năm)

Nhà cửa và vật kiến trúc	05
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	06 - 09
Xe hợp tác kinh doanh	06 - 09
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Khác	03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêngCho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DN**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người dì thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản dì thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí dì vay.

Các tài sản dì thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/6/2015

(Số năm)
06 - 09

Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và lô đất tại phường An Lạc, quận Tân Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm:

Chi phí thuê nhân hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền 51.636.363.636 VND. Chi phí thuê nhân hiệu trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÈ TOÁN CHỦ YÊU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rõ ràng và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng căn đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ phát sinh lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 do khả năng có lãi trong các năm tiếp theo để bù đắp là không chắc chắn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	979.159.988	27.628.819
Tiền gửi ngân hàng	12.061.803.868	31.206.158.086
	13.040.963.856	31.233.786.905

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

THU YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các *thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh				
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)
	30/6/2015	31/12/2014	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b1) Đầu tư vào công ty con	194.906.708.448	-	194.906.708.448	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	11.100.000.000	-	11.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	20.028.413.448	-	20.028.413.448	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	10.400.000.000	-	10.400.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	11.116.295.000	-	11.116.295.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hàng Yên	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	20.366.000.000	-	20.366.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	3.800.000.000	-	3.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	25.463.000.000	-	25.463.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Thành Hóa	38.733.000.000	-	38.733.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Thái Nguyên	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vinh Phúc	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
b2) Đầu tư vào công ty liên kết	79.000.000.000	(40.488.371.419)	79.000.000.000	(40.488.371.419)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (*)	79.000.000.000	(40.488.371.419)	79.000.000.000	(40.488.371.419)

CÔNG TY CỔ PHẦN MALLINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BẢO CÀO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thay đổi minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/6/2015 Giá gốc VND	Dư phòng VND	31/12/2014 Giá gốc VND	Dư phòng VND
b3) Đầu tư vào đơn vị khác	18.546.000.000		18.546.000.000	
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	16.626.000.000		16.626.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Państ Long	1.920.000.000		1.920.000.000	

Kết quả hoạt động kinh doanh
trong kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Công ty con	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Có lãi
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Có lãi
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Có lãi
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	Có lãi
Công ty TNHH Mai Linh Thành Hóa	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Có lãi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Có lãi

b4) Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Triều Thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

THUỶ TẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là mực bút phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (*)	Lỗ	

- (*) Công ty trích lập dự phòng giám giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên dựa trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với số tiền là 40.488.371.419 VNĐ bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá khoản đầu tư mà Công ty Tập đoàn Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ với số tiền là 21.076.492.538 VNĐ.

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng bổ sung nếu có cho khoản đầu tư nêu trên.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 33 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán làm cơ sở đánh giá nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland	23.715.000.000	23.715.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng	5.868.000.000	14.700.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	2.500.000.000	1.280.000.000
Các khách hàng khác	<u>26.381.455.800</u>	<u>11.263.286.450</u>
	<u>58.464.455.800</u>	<u>50.958.286.450</u>
Trong đó		
Các khoản phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 33)	2.500.000.000	1.280.000.000

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/6/2015 VND	31/12/2014 (Trình bày lại) VND
a. Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	8.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Express Hồ Chí Minh	3.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nghệ An	<u>5.000.000.000</u>	-
	<u>22.650.000.000</u>	<u>11.650.000.000</u>
b. Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
	<u>48.215.000.000</u>	<u>48.215.000.000</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2015 VND	31/12/2014 (Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu các công ty con (i)	63.673.469.325	61.915.812.887
- Phải thu về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương (ii)	64.000.000.000	64.000.000.000
- Phải thu các đơn vị trong cùng Tập đoàn Mai Linh (i)	234.735.865.177	217.271.407.301
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh	25.391.428.339	31.661.105.267
- Phải thu người lao động	4.137.122.395	2.988.297.874
- Tạm ứng	4.762.734.159	5.830.125.406
- Ký cược, ký quỹ	900.000.000	1.554.142.400
- Phải thu thuế GTGT được khấu trừ từ tài sản thuê tài chính	768.988.025	1.649.506.654
- Phải thu khác	<u>5.550.749.519</u>	<u>4.530.123.603</u>
	<u>403.920.356.939</u>	<u>391.400.521.392</u>
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	2.214.136.626	1.517.485.558
	<u>2.214.136.626</u>	<u>1.517.485.558</u>
Trong đó		
Các khoản phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 33)	282.698.096.704	264.754.739.856

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Số phải thu các công ty con và các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ nhở thu hộ tiền thẻ taxi MCC và các nghiệp vụ mua bán tài sản cố định, vật tư, sửa chữa...
- (ii) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương do khoản đầu tư này đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, theo các điều khoản của hợp đồng, giao dịch chuyển nhượng này chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng trong 6 tháng cuối năm 2015, giao dịch chuyển nhượng sẽ được hoàn thành.

10. NỢ XÂU

Đối tượng	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.061.108.556	185.559.147	20.947.108.556	71.559.147
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	185.559.147	185.559.147	71.559.147	71.559.147
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	20.875.549.409	-	20.875.549.409	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	10.348.517.070	814.370.761	10.053.068.504	518.922.195
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	814.370.761	814.370.761	518.922.195	518.922.195
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	9.534.146.309	-	9.534.146.309	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	1.495.149.910	4.983.833.034	1.495.149.910
- Quá hạn thanh toán từ 2 năm đến 3 năm	4.983.833.034	1.495.149.910	4.983.833.034	1.495.149.910
Đối tượng khác	3.943.593.263	2.305.386.362	3.925.877.866	2.287.670.965
	40.337.051.923	4.800.466.180	39.909.887.960	4.373.302.217

11. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu				
Hàng hóa	2.093.358.895	12.818.170	2.002.365.069	92.363.636
	2.106.177.065		2.094.728.705	

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bảo hiểm rủi ro tài sản	1.711.418.629		1.709.392.004	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	285.440.330		404.974.734	
	1.996.858.959		2.114.366.738	
b) Dài hạn				
Chi phí thuê nhãn hiệu	22.098.484.845		23.819.696.966	
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.747.104.315		2.854.353.391	
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.496.956.159		1.108.217.902	
	25.342.545.319		27.782.268.259	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị và trang thiết bị truyền dẫn	Xe hợp tác kinh doanh	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	331.030.070	183.264.932.602	259.052.412.458	1.600.984.176	75.000.000	444.584.359.306
Mua sắm mới	-	9.321.658.189	-	12.163.636	-	9.333.821.825
Phân loại tài sản thuê tài chính	-	61.932.167.299	-	-	-	61.932.167.299
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	(41.861.569.422)	41.861.569.422	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(22.486.438.066)	(24.602.906.041)	-	-	(47.089.344.107)
Tại ngày 30/6/2015	331.030.070	190.170.750.602	276.311.075.839	1.613.147.812	75.000.000	468.761.004.323
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	331.030.070	59.638.444.347	135.102.651.374	1.221.918.237	45.000.000	196.551.377.345
Trích khấu hao trong kỳ	-	11.836.345.037	19.145.084.321	88.950.024	7.500.000	31.103.879.380
Phân loại tài sản thuê tài chính	-	30.748.394.802	-	-	-	30.748.394.802
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	(18.786.426.468)	18.786.426.468	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.870.114.419)	(15.971.725.192)	-	-	(24.841.839.611)
Tại ngày 30/6/2015	238.333.315	74.566.643.299	157.062.436.971	1.310.868.261	52.500.000	233.561.811.916
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	21.666.685	-	115.604.107.303	119.248.638.868	302.279.551	22.500.000
Tại ngày 31/12/2014	47.666.683	-	123.626.488.255	123.949.761.084	379.065.939	30.000.000

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 107.933.692.039 VND (31 tháng 12 năm 2014: 190.879.682.296 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của TSCD bao gồm các TSCD đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 5.401.731.940 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 7.156.280.990 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	84.524.098.608
Chuyển sang TSCDHH	(61.932.167.299)
Thanh lý, nhượng bán	(7.094.885.864)
Tại ngày 30/6/2015	<u><u>15.497.045.445</u></u>
GIÁ TRỊ HAO Mòn LŨY KÉ	
Tại ngày 01/01/2015	32.409.523.940
Trích khấu hao trong kỳ	5.673.283.292
Chuyển sang TSCDHH	(30.748.394.802)
Thanh lý, nhượng bán	(2.867.054.230)
Tại ngày 30/6/2015	<u><u>4.467.358.200</u></u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2015	<u><u>11.029.687.245</u></u>
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>52.114.574.668</u></u>

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUẾ**

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	198.313.019.200
Tại ngày 30/6/2015	<u><u>198.313.019.200</u></u>
GIÁ TRỊ HAO Mòn LŨY KÉ	
Tại ngày 01/01/2015	15.865.041.553
Trích khấu hao trong kỳ	1.983.130.194
Tại ngày 30/6/2015	<u><u>17.848.171.747</u></u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2015	<u><u>180.464.847.453</u></u>
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>182.447.977.647</u></u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty đã thể chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là khoảng 180.464.847.453 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 182.447.977.647 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,

Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ (Tiếp theo)

Danh mục chi tiết BDS đầu tư

	Giá trị còn lại	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, TP. Hồ Chí Minh	58.920.333.453	59.567.809.647
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	121.544.514.000	122.880.168.000
	180.464.847.453	182.447.977.647

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu		Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2015	Hoạt động chính
		VND		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	6.000.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	6.000.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	11.100.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	20.028.413.448	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	10.400.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	12.000.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	11.116.295.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	4.000.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	93%	20.366.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	3.800.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	5.000.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	3.600.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	9.500.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	Thành phố Hà Nội	87%	25.463.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	38.733.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	6.000.000.000	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	1.800.000.000	Dịch vụ taxi
			194.906.708.448	

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu		Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2015	Hoạt động chính
		VND		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	79.000.000.000	Dịch vụ taxi
			79.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong kỳ		30/6/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.010.931.810	12.629.110.506	12.074.423.646	2.565.618.670
- Thuế GTGT đầu ra	2.010.931.810	12.629.110.506	12.074.423.646	2.565.618.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.441.713.258	341.674.881	3.441.713.257	341.674.882
Các loại thuế khác	544.942.585	515.539.193	788.697.265	271.784.513
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	544.942.585	512.539.193	785.697.265	271.784.513
Cộng	5.997.587.653	13.486.324.580	16.304.834.168	3.179.078.065

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Lãi vay phải trả	3.846.068.968	4.332.276.130
Trích trước chi phí tiền lương	2.280.000.000	3.091.287.450
Các khoản khác	258.337.701	515.945.837
	6.384.406.669	7.939.509.417

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Doanh thu nhận trước (i)	79.050.000.000	79.050.000.000
Các khoản khác	297.319.959	-
	79.347.319.959	79.050.000.000

- (i) Doanh thu chưa thực hiện của Công ty bao gồm khoản tiền nhận trước và khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland với số tiền lần lượt là 55.335.000.000 VND và 23.715.000.000 VND từ việc chuyên nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 22 tháng 4 năm 2014. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, theo các điều khoản của hợp đồng, giao dịch chuyển nhượng này chưa hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09a-DN

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	4.063.611.462	27.886.765.445
Phải trả các công ty con	27.581.925.761	26.273.317.052
Phải trả các đơn vị khác trong Tập đoàn	312.687.403	312.687.403
Các khoản thu chi hộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	30.215.531.144	30.162.643.444
Phải trả cỗ tức	33.767.697.940	14.970.877.440
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rìa xe	11.001.565.205	12.289.741.294
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	6.397.776.664	6.389.597.595
Phải trả thẻ MCC	5.015.234.849	5.453.206.259
Nhà thầu cung cấp cho Công ty Cổ phần TeLin Vạn Hương	2.539.526.661	2.755.318.661
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.219.002.635	451.406.835
Khác	13.480.390.828	7.847.743.107
	135.594.950.552	134.793.304.535
b) Dài hạn		
Góp vốn xe hợp tác kinh doanh (i)	241.508.056.153	239.600.871.330
Khách hàng đặt cọc mở thẻ MCC, thuê xe	11.829.275.542	17.467.806.542
Đặt cọc của lái xe	11.147.032.476	10.800.246.971
	264.484.364.171	267.868.924.843
Trong đó		
Các khoản phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 33)	38.149.484.725	60.664.029.999

- (i) Phản ánh số tiền nhận góp vốn dài hạn từ bên tham gia hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi trên xe hợp tác kinh doanh. Số tiền này sẽ được trừ dần với phí sử dụng tài sản theo quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

THUÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các *thuýết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

Chi tiêu	31/12/2014			Phát sinh trong kỳ			30/6/2015		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	7.457.705.479	7.457.705.479	36.233.743.509	7.457.705.479	36.233.743.509	36.233.743.509	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuỷết minh số 23)	42.035.976.605	42.035.976.605	59.401.421.669	24.033.821.603	77.403.576.671	77.403.576.671	VND	VND	VND
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuỷết minh số 23)	13.788.155.160	13.788.155.160	1.239.800.004	12.548.355.156	2.479.600.008	2.479.600.008	VND	VND	VND
	63.281.837.244	63.281.837.244	96.874.965.182	44.039.882.238	116.116.920.188	116.116.920.188	VND	VND	VND

- (i) Vay ngắn hạn thẻ hiện khoản vay cá nhân và các đơn vị thành viên có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 0,62% đến 1,34%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2014			Phát sinh trong kỳ			30/6/2015		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng (i)	102.764.515.452	102.764.515.452	9.430.000.000	24.733.821.603	87.460.693.849	87.460.693.849	VND	VND	VND
Vay dài hạn cá nhân (ii)	72.062.399.878	72.062.399.878	57.332.415.000	59.196.721.767	70.198.093.111	70.198.093.111	VND	VND	VND
Vay dài hạn công ty con (iii)	13.938.000.000	13.938.000.000	-	-	13.938.000.000	13.938.000.000	VND	VND	VND
Nợ thuê tài chính dài hạn (iv)	27.964.523.441	27.964.523.441	-	21.972.156.787	5.992.366.654	5.992.366.654	VND	VND	VND
Cộng	216.729.438.771	216.729.438.771	66.762.415.000	105.902.700.157	177.589.153.614	177.589.153.614	VND	VND	VND

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng
(xem Thuỷết minh số 22)

Số phải trả sau 12 tháng

55.824.131.765

160.905.307.006

79.883.176.679

97.705.976.935

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (i) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (*)	9.697.233.327	6.249.113.329
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh (**)	18.465.000.000	22.035.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (***)	7.598.920.000	13.885.566.568
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 (****)	15.281.584.000	14.018.859.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (*****)	36.417.956.522	41.627.956.522
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	4.442.020.033
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	-	506.000.000
	87.460.693.849	102.764.515.452

Các khoản vay ngân hàng cho mục đích mua tài sản cố định và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay. Cụ thể các khoản vay trọng yếu như sau:

- (*) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2015/231/HDTD ngày 11 tháng 02 năm 2015 có thời hạn 04 năm 03 tháng với tổng hạn mức là 4.830.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 20 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 6.509.000.007 VND (xem Thuyết minh số 13).

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2014/HĐTDTH ngày 15 tháng 01 năm 2014 có thời hạn 04 năm 03 tháng với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Nissan Sunny hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 7.582.036.365 VND (xem Thuyết minh số 13).

- (**) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh theo Hợp đồng 001511/HĐTDTHDH/DN ngày 28 tháng 01 năm 2011 có thời hạn 84 tháng với tổng hạn mức là 50.000.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả lâm nhiều lần bắt đầu từ ngày 29 tháng 01 năm 2011 đến ngày 28 tháng 12 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được trả hàng quý. Công ty sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 180.464.847.453 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 182.447.977.647 VND) để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 15).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (****) Các khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành từ ngày 31 tháng 3 năm 2010 đến ngày 20 tháng 12 năm 2017 có thời hạn từ 35 đến 60 tháng với tổng hạn mức là 75.655.788.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 4 năm 2010 đến ngày 20 tháng 12 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 14.153.516.064 VND (xem Thuyết minh số 13).
- (*****) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng số 01/2014/231/HDTDTH ngày 10 tháng 12 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 16.905.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 16 kỳ vào ngày 25 của tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 cộng biên độ 3,5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 70 xe Hyundai i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 22.436.325.781 VND (xem Thuyết minh số 13).
- (******) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm từ ngày 19 tháng 11 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 có thời hạn từ 48 đến 54 tháng với tổng hạn mức là 30.500.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 26 tháng 11 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 56.300.604.580 VND (xem Thuyết minh số 13).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	32.087.000.004	42.035.976.605
Trong năm thứ hai	29.308.208.004	25.352.595.526
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	26.065.485.841	35.375.943.321
	87.460.693.849	102.764.515.452
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	32.087.000.004	42.035.976.605
Số phải trả sau 12 tháng	55.373.693.845	60.728.538.847

- (ii) Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ có thời hạn từ 12 đến 24 tháng, lãi suất từ 0,62%/tháng đến 0,93%/tháng, không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Các khoản vay công ty con không có thời hạn, lãi suất từ 0,2%/tháng đến 0,82%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DN

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	45.316.576.667	-
Trong năm thứ hai	24.881.516.444	72.062.399.878
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	13.938.000.000	13.938.000.000
	84.136.093.111	86.000.399.878
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	45.316.576.667	-
Số phải trả sau 12 tháng	38.819.516.444	86.000.399.878

(iv) Thông tin chi tiết các khoản nợ dài hạn thuê tài chính của Công ty như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Nợ dài hạn thuê tài chính		
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	5.992.366.654	7.232.166.650
Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	20.732.356.791
	5.992.366.654	27.964.523.441

(*) Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từ ngày 05 tháng 11 năm 2012 đến ngày 05 tháng 11 năm 2017 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 12.398.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất cho thuê cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần.

Các khoản nợ dài hạn thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính		
Trong vòng một năm	2.479.600.008	13.788.155.160
Trong năm thứ hai	3.512.766.646	11.903.401.639
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.272.966.642	-
	5.992.366.654	27.964.523.441
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	2.479.600.008	13.788.155.160
Số phải trả sau 12 tháng	3.512.766.646	14.176.368.281

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

THUỶ TẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Loại nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	6.683.000.000	3.341.000.000	42.113.811.148	525.791.131.148
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.375.199.679	36.375.199.679
Trích lập các quỹ	-	-	4.396.681.884	8.793.363.768	(13.190.045.652)	-
Trích quỹ KTTPL	-	-	-	-	(1.911.021.309)	(1.911.021.309)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(23.682.666.000)	(23.682.666.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	11.079.681.884	12.134.363.768	39.705.277.866	536.572.643.518
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	12.134.363.768	(12.134.363.768)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 như được trình bày lại	486.253.320.000	(12.600.000.000)	23.214.045.652	-	39.705.277.866	536.572.643.518
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	7.247.692.763	7.247.692.763
Hoàn nhập cổ tức cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	630.000.000	630.000.000
Trích lập các quỹ (i)	-	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-
Trích quỹ KTTPL (i)	-	-	-	-	(3.642.903.000)	(3.642.903.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(23.682.666.000)	(23.682.666.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(632.294.777)	(632.294.777)
Số dư tại ngày 30/6/2015	486.253.320.000	(12.600.000.000)	28.214.045.652	-	14.625.106.852	516.492.472.504

- (i) Ngày 16 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty đã có Nghị quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

THU YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thay đổi mới này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 486.253.320.000 VNĐ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông thực góp như sau:

	30/6/2015 VNĐ	%	31/12/2014 VNĐ	%
Cổ đông sáng lập	345.315.170.000	71,02%	345.315.170.000	71,02%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	232.697.260.000	47,86%	232.697.260.000	47,86%
Ông Hồ Huy	54.319.510.000	11,17%	54.319.510.000	11,17%
Ông Hồ Chươn	49.658.400.000	10,21%	49.658.400.000	10,21%
Bà Hồ Thị Phượng	8.640.000.000	1,78%	8.640.000.000	1,78%
Các cổ đông khác	128.338.150.000	26,39%	128.338.150.000	26,39%
Cổ phiếu quỹ	12.600.000.000	2,59%	12.600.000.000	2,59%
	486.253.320.000	100,00%	486.253.320.000	100,00%

Nghị quyết số 01/2014/NQ-DHĐCD ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014. Tổng số lượng cổ phiếu dự định phát hành là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VNĐ. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 686.253.320.000 VNĐ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	30/6/2015	31/12/2014
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	48.625.332	48.625.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	1.260.000	1.260.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	47.365.332	47.365.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	100.193.494.279	116.422.892.862
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	4.892.631.771	7.843.808.441
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	804.649.839	386.044.864
Doanh thu nhượng bán tài sản, vật tư	89.999.879.093	67.091.241.024
Doanh thu cho thuê tài sản	8.079.928.124	15.965.450.638
Doanh thu dịch vụ khác	<u>49.267.255.990</u>	<u>26.873.589.540</u>
	<u>253.237.839.096</u>	<u>234.583.027.369</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
a. Chiết khấu thương mại	1.445.036.748	1.620.447.952
	<u>1.445.036.748</u>	<u>1.620.447.952</u>
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 33)	<u>135.965.138.152</u>	<u>92.144.331.817</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại) VND
Chi phí dịch vụ taxi	105.963.186.428	108.475.793.744
Chi phí dịch vụ xe cho thuê	4.141.858.142	5.325.938.213
Chi phí dịch vụ sửa chữa	526.805.682	367.661.775
Chi phí nhượng bán tài sản, vật tư	85.910.159.607	66.571.682.527
Chi phí cho thuê tài sản	3.825.233.740	6.927.644.113
Chi phí dịch vụ khác	19.145.084.321	12.353.483.235
	219.512.327.920	200.022.203.607

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.060.375.134	40.166.946.385
Chi phí nhân công	64.407.753.893	58.199.249.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.777.162.672	35.279.762.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.206.849.144	18.066.674.939
Chi phí khác bằng tiền	6.907.316.903	7.554.145.136
Chi phí dự phòng	-	4.324.627.663
	161.359.457.746	163.591.405.758

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.172.323.081	2.388.836.940
Lãi bán xe trả góp	2.079.606.585	1.582.362.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.500.000.000	14.000.000.000
	10.751.929.666	17.971.199.140

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Lãi tiền vay	11.331.104.031	18.886.633.107
Lãi thuê tài chính	1.166.016.170	1.982.971.129
	12.497.120.201	20.869.604.236

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại) VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.063.892.118	2.569.635.965
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	30.539.228.248	12.538.908.016
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	26.475.336.130	9.969.272.051
Thu phí quản lý từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	3.248.745.747
Các khoản khác	3.194.317.260	4.943.901.802
	7.258.209.378	10.762.283.514

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	7.589.367.644	8.351.569.748
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(6.036.300.000)	(14.000.000.000)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>6.500.000.000</i>	<i>14.000.000.000</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>463.700.000</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	1.553.067.644	(5.648.430.252)
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	341.674.881	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	341.674.881	-

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 23 trừ đi tiền) và phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số dòn bẩy tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	213.822.897.123	224.187.144.250
Trữ: Tiền và các khoản tương đương tiền	13.040.963.856	31.233.786.905
Nợ thuần	200.781.933.267	192.953.357.345
Vốn chủ sở hữu	<u>516.492.472.504</u>	<u>536.572.643.518</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,39	0,36

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	13.040.963.856	31.233.786.905
Dầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000	42.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	395.561.826.970	375.333.853.126
Tài sản tài chính khác	<u>89.411.000.000</u>	<u>78.411.000.000</u>
	498.055.790.826	485.020.640.031

Công nợ tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính	213.822.897.123	224.187.144.250
Phải trả người bán và phải trả khác	62.416.960.152	94.852.898.346
Chi phí phải trả	6.384.406.669	7.939.509.417
	282.624.263.944	326.979.552.013

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
Dô la Mỹ (USD)	VND	VND	VND	VND
	-	-	349.456.168	262.856.448

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lãi trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	
	VND	VND	VND	VND
Dô la Mỹ (USD)	34.945.617		26.285.645	

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng 1.869.061.210 VND (kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 4.178.484.720 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DN**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
VND	+200	(1.869.061.210)
VND	-200	1.869.061.210
Cho kỳ hoạt động ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	+200	(4.178.484.720)
VND	-200	4.178.484.720

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33.

Ngoài ra, Công ty còn một số khoản phải thu liên quan đến trả trước cho người bán và phải thu khác lâu ngày nhưng chưa thu hồi tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền là 40.337.051.923 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 39.909.887.960 VND).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
		VND	VND	VND
Tiền	13.040.963.856	-	13.040.963.856	
Dầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000	-	42.000.000	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	427.467.334.981	2.214.136.626	429.681.471.607	
Tài sản tài chính khác	22.650.000.000	66.761.000.000	89.411.000.000	
Tổng cộng	463.200.298.837	68.975.136.626	532.175.435.463	
	30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
		VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	116.116.920.188	97.705.976.935	213.822.897.123	
Phải trả người bán và phải trả khác	80.060.296.771	22.976.308.018	103.036.604.789	
Chi phí phải trả	6.384.406.669	-	6.384.406.669	
Tổng cộng	202.561.623.628	120.682.284.953	323.243.908.581	
Chênh lệch thanh khoản thuần	260.638.675.209	(51.707.148.327)	208.931.526.882	
	31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
		VND	VND	VND
Tiền	31.233.786.905	-	31.233.786.905	
Dầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000	-	42.000.000	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	373.816.367.568	1.517.485.558	375.333.853.126	
Tài sản tài chính khác	11.650.000.000	66.761.000.000	78.411.000.000	
Tổng cộng	416.742.154.473	68.278.485.558	485.020.640.031	
	31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
		VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	63.281.837.244	160.905.307.006	224.187.144.250	
Phải trả người bán và phải trả khác	66.584.844.833	28.268.053.513	94.852.898.346	
Chi phí phải trả	7.939.509.417	-	7.939.509.417	
Tổng cộng	137.806.191.494	189.173.360.519	326.979.552.013	
Chênh lệch thanh khoản thuần	278.935.962.979	(120.894.874.961)	158.041.088.018	

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**33. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯỜNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
<i>Các công ty con của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc</i>	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Công ty con
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Công ty con
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Công ty con
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Công ty con
<i>Các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh</i>	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	Công ty mẹ
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	Thành viên
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Thành viên
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Thành viên
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Dương	Thành viên
Công ty TNHH Deluxe Taxi	Thành viên
Công ty TNHH Gia Định Taxi	Thành viên
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	Thành viên
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Long An	Thành viên
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Sóc Trăng	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	Thành viên
Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Ninh	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Lào Cai	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Thành viên
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	Thành viên
Công ty TNHH Chợ Lớn Taxi	Thành viên
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Thành viên
Nhóm công ty đồng chủ tịch (là những công ty do ông Hồ Huy, Hồ Chương lâm chủ tịch, nhưng không thuộc đơn vị thành viên của Tập đoàn)	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DỰ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	2.500.000.000	1.280.000.000
	2.500.000.000	1.280.000.000
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	282.698.096.704	264.754.739.856
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	202.548.960.699	186.286.230.241
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	21.061.108.556	20.947.108.556
Công ty Cổ Phần Mai Linh Hạ Long	10.333.517.070	10.038.068.504
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	899.714.610	1.239.357.122
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	21.061.020.592	20.815.320.592
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	-	4.655.502.406
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	740.944.731	500.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	6.423.721.512	534.030.116
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	26.413.675	3.559.729.821
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	5.549.457.495	26.413.675
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Dương	-	309.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	1.102.016.129	403.500.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	3.903.951.333	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	2.674.934.469	1.082.204.926
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	-	4.769.397.719
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	1.389.952.740	363.733.329
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	378.696.064	1.104.708.923
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Nam Bộ	163.500.000	163.500.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	1.050.962.358	672.240.545
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	374.736.581	374.736.581
Ông Hồ Huy	2.704.200.000	1.844.200.000
Cho vay ngắn hạn	22.650.000.000	11.650.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	8.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	2.500.000.000
Phải trả khác	38.149.484.725	60.664.029.999
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	855.970.951	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	1.025.658.753	2.625.360.929
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	2.707.573.925	7.437.831.054
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	774.597.060	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	3.173.805.005	4.404.817.218
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	2.471.924.659	3.290.935.310
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	1.367.373.751	1.785.183.022
Công ty TNHH Mai Linh Thái Nguyên	-	509.122.076
Công ty Cổ phần SX và TM Mai Linh	113.297.038	113.297.038
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	15.205.021.657	6.220.067.443
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	4.063.611.462	27.886.765.445
Ông Hồ Chương	6.191.260.099	6.191.260.099
Cho vay dài hạn	48.215.000.000	48.215.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DỰ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo):

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	13.938.000.000	13.938.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	12.438.000.000	12.438.000.000
	1.500.000.000	1.500.000.000
Vay ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	28.080.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	8.080.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	18.546.000.000	18.546.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long	16.626.000.000	16.626.000.000
	1.920.000.000	1.920.000.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.965.138.152	92.144.331.817
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	73.403.848.182	60.128.182.277
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	26.128.400.235	3.503.144.092
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	8.206.945.248	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	5.567.526.057	1.529.491.726
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	4.038.192.989	2.876.914.162
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	2.222.517.809	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	2.149.605.553	2.284.638.380
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	2.057.697.397	1.514.528.547
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	2.010.286.084	1.214.924.006
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	1.708.657.252	1.894.242.580
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	1.367.129.574	8.167.032.895
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	1.354.453.385	1.168.582.514
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	1.121.974.747	2.906.713.262
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	999.252.611	1.220.723.810
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	817.615.720	951.364.129
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	770.344.746	1.184.885.944
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	635.014.664	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	546.095.901	938.014.875
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	466.283.831	432.301.947
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	393.296.167	228.646.671
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	1.840.989.706	9.214.305.642
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	1.065.640.456	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	565.681.813	6.774.685.239
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	104.000.000	2.137.490.910
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	105.667.437	298.699.368

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

33. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯỢC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí tài chính	1.011.399.000	4.358.006.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	199.200.000	172.640.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	154.775.000	101.250.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	149.940.000	-
Công ty Cổ Phàn Mai Linh Thủ Đô	149.256.000	149.256.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	124.500.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	84.328.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	74.700.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	74.700.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	3.934.860.000
Doanh thu tài chính	7.912.397.917	16.037.763.391
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	1.500.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	1.500.000.000	156.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	1.412.397.917	1.881.763.391
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	1.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	800.000.000	-
Công ty Cổ Phàn Mai Linh Thủ Đô	700.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	-	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	-	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	-	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	-	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	-	1.000.000.000

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc:

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.135.978.324	1.200.898.585
	1.135.978.324	1.200.898.585

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CNXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

34. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014:

	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh/ phân loại lại	Số trình bày lại
	VND	VND	VND
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (i)	258.685.778.725	(24.102.751.356)	234.583.027.369
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp (ii)	230.068.454.963	(30.046.251.356)	200.022.203.607
Thu nhập khác (iii)	20.731.555.565	(9.969.272.051)	10.762.283.514
Chi phí khác (iii)	12.281.071.853	(9.969.272.051)	2.311.799.802
Doanh thu hoạt động tài chính (iv)	23.914.699.140	(5.943.500.000)	17.971.199.140
	545.681.560.246	(80.031.046.814)	465.650.513.432

- (i) Điều chỉnh giảm doanh thu bao gồm điều chỉnh doanh thu hộ chi hộ tiền thẻ MCC đổi với Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các công ty thành viên và phân loại lại doanh thu phí thương hiệu.
- (ii) Điều chỉnh giảm giá vốn hộ chi hộ tiền thẻ MCC đổi với Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các công ty thành viên.
- (iii) Điều chỉnh giảm giá trị còn lại của tài sản thanh lý trong kỳ.
- (iv) Phân loại lại doanh thu phí thương hiệu trong kỳ.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh/ phân loại lại	Số trình bày lại
	VND	VND	VND
Tài sản			
Dầu tư ngắn hạn	75.996.000.000	(75.996.000.000)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	346.000.000	346.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.650.000.000	11.650.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	320.016.253.586	71.384.267.806	391.400.521.392
Tài sản ngắn hạn khác	7.384.267.806	(7.384.267.806)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	48.215.000.000	48.215.000.000
Đầu tư dài hạn khác	66.761.000.000	(48.215.000.000)	18.546.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	1.517.485.558	1.517.485.558
Tài sản dài hạn khác	1.517.485.558	(1.517.485.558)	-
Công nợ và nguồn vốn			
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	79.050.000.000	79.050.000.000
Doanh thu chưa thực hiện (dài hạn)	79.050.000.000	(79.050.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	11.079.681.884	12.134.363.768	23.214.045.652
Quỹ dự phòng tài chính	12.134.363.768	(12.134.363.768)	-
	573.939.052.602	573.939.052.602	

Lưu Thị Thu Hương
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2015

Trịnh Thị Thu
Kế toán trưởng

Hồ Chương
Tổng Giám đốc